

Số: *34* /KH-UBND

Long Thành, ngày *04* tháng *02* năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ, khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện Long Thành

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 10/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khóa XII) về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Long Thành về một số nhiệm vụ, mục tiêu phát triển Kinh tế - xã hội; Quốc phòng – an ninh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Long Thành.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 04/TTr-PKT ngày 20/01/2021;

Nhằm triển khai thực hiện tốt chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ, khoa học và công nghệ; UBND huyện Long Thành ban hành kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện như sau:

Phần 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

A. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP – XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ VÀ NÔNG, LÂM, THỦY SẢN NĂM 2020

- Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp – xây dựng đạt 107.446,267 tỷ đồng (theo giá cố định năm 2010), so với kế hoạch đạt 100,46%; so với cùng kỳ tăng 16,37%. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp (bao gồm quốc doanh, ngoài quốc doanh, đầu tư nước ngoài) 103.469.836 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 100,47%; so với cùng kỳ tăng 16,4%; giá trị xây dựng 3.976,431 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 100,04%; so với cùng kỳ tăng 15,67%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 19.479,170 tỷ đồng (theo giá hiện hành), so với kế hoạch đạt 100,17%; so với cùng kỳ tăng 21,15%.

- Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản năm 2020 đạt 2.624,152 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,141%, so với cùng kỳ tăng 3,37%. Cụ thể như sau:

+ Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 2.484,391 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100,243%, so cùng kỳ tăng 3,48%. Trong đó: trồng trọt 1.181,295 tỷ đồng; chăn nuôi 1.215,967 tỷ đồng; dịch vụ nông nghiệp 87,129 tỷ đồng. Tỷ trọng chăn nuôi đạt 48,94%.

+ Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 16,881 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 99,39%, so cùng kỳ tăng 2,6%.

+ Giá trị thủy sản đạt 125,118 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 100%, so với cùng kỳ tăng 4,46%.

- Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp tăng bình quân 3,37%/năm, đạt mục tiêu nghị quyết đề ra (3%).

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC

I. NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Trồng trọt

1.1. Về tổng diện tích gieo trồng

Tổng diện tích gieo trồng năm 2020 đạt 24.295 ha, so kế hoạch năm đạt 100%, so cùng giảm 9%. Trong đó diện tích cây hàng năm 7.235 ha, diện tích cây công nghiệp lâu năm 15.476 ha, diện tích cây ăn quả 1.584 ha (Diện tích sản xuất nông nghiệp giảm, nguyên nhân do bàn giao đất cho dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các dự án phi nông nghiệp khác).

- Diện tích gieo trồng cây hàng năm 7.235 ha, so kế hoạch năm đạt 100%, so cùng đạt 75,08%. Trong đó: cây lúa 3.925 ha, so cùng kỳ đạt 97,81%; cây bắp 615 ha, so cùng kỳ đạt 29,27%; cây mì 2.155 ha, so cùng kỳ đạt 74,36%; cây lang 40 ha; cây rau các loại 308, cây đậu các loại 53 ha.

- Diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả 17.060 ha, so kế hoạch năm đạt 100%, so cùng kỳ bằng nhau. Trong đó: cây công nghiệp lâu năm 15.476 ha so kế hoạch năm đạt 100%, so cùng kỳ bằng nhau; cây ăn quả 1.584 ha, so kế hoạch năm đạt 100%, so cùng kỳ bằng nhau.

1.2. Về tổng sản lượng lương thực

Tổng sản lượng lương thực năm 2020 đạt 25.807 tấn so kế hoạch năm đạt 100%, so cùng kỳ giảm 25,87% Trong đó: lúa 21.887 tấn, màu quy lúa (MQL) 3.920 tấn.

1.3. Về năng suất

Năng suất bình quân cây lúa đạt 55,76 tạ/ha, so kế hoạch (KH) năm đạt 100%, so cùng kỳ tăng 0,22%; năng suất cây bắp đạt 63,73 tạ/ha, so KH năm đạt 100%, so cùng kỳ tăng 7,24%; năng suất cây mì đạt 230 tạ/ha, so KH năm đạt 100%; các loại cây trồng khác năng suất ổn định.

1.4. Về cơ giống một số cây hàng năm

- Hiện nay, cơ cấu giống lúa trên địa bàn huyện khá phong phú, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của nông dân và thị trường. Toàn huyện đều sử dụng các giống Lúa ngắn ngày, phổ biến như: OM 18, VD20, OM4900, OM7347, Đài thơm 8, MTL110, OM5451, ML202,...

- Đối với cây Bắp sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn, trái to năng suất cao như: NK7328, NK67, NK72, DK6919,...

- Đối với cây Mì chủ lực vẫn là giống HLS11, KM98 và KM140.

1.5. Tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng

- Chỉ đạo ngành chuyên môn và địa phương thường xuyên thăm đồng, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng, kịp thời khuyến cáo bà con nông dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống hiệu quả.

- Hiện nay, đối tượng gây hại chủ yếu như:

+ Trên cây lúa: chuột, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, ốc brou vàng.

+ Trên cây bắp: xuất hiện sâu keo mùa Thu mật số ít, tỷ lệ gây hại thấp.

+ Trên cây mì: xuất hiện bệnh khảm lá trên diện rộng, mức độ phổ biến là từ 10-30%, mức độ cao > 70%, gây ảnh hưởng nhiều đến năng suất, chất lượng cây trồng.

+ Trên cây ăn trái có rầy phấn, bệnh cháy mũ, bệnh thánh thư, sâu đục trái.

+ Trên cây cà phê có bệnh rệp sáp, bệnh khô cành,... xuất hiện rải rác ở các xã, diện tích mật độ và tỷ lệ gây hại thấp.

2. Chăn nuôi

2.1. Tình hình phát triển chăn nuôi

Ngành chăn nuôi của huyện Long Thành được xác định là ngành kinh tế quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện. Việc tổ chức lại sản xuất ngành chăn nuôi phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhất là công nghiệp, dịch vụ, đô thị và dân cư trên địa bàn huyện không chỉ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn mà còn tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho nông hộ, cải thiện môi trường khu vực nông thôn.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2020 có:

+ Trâu, bò 4.746 con, so kế hoạch đạt 99,89%.

+ Heo 125.000 con, đạt 75,8% so với kế hoạch đề ra.

+ Gia cầm 2.039.839 con, so với kế hoạch đạt 157,6%.

- Hiện nay trên địa bàn huyện có 110 trang trại chăn nuôi heo và 13 trang trại gia cầm.

2.2. Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch

- Tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, kịp thời phát hiện và khống chế không để lây lan và bùng phát dịch. Ngành chăn nuôi của huyện vẫn đảm bảo tăng trưởng ổn định.

- Trong năm, UBND huyện đã ban hành và triển khai các nội dung:

+ Kế hoạch và dự toán kinh phí về công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy cầm trên địa bàn huyện Long Thành năm 2020.

+ Kế hoạch thực hiện “Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh dại giai đoạn 2017 – 2021” trên địa bàn huyện năm 2020.

+ Kế hoạch triển khai công tác tiêu độc, khử trùng đợt 1, 2, 3, 4 năm 2020 và kế hoạch tiêm phòng gia súc, gia cầm đợt 1, 2 năm 2020.

Triển khai đến các địa phương nội dung có liên quan đến công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm, dịch tả heo Châu Phi nhằm kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh, hạn chế tới mức thấp nhất sự lây lan của dịch bệnh trên địa bàn huyện.

2.3. Công tác tiêm phòng, tiêu độc sát trùng phòng chống dịch bệnh

- Đã thực hiện hoàn thành công tác tiêm phòng Cúm gia cầm Newcastle đợt 1 và đợt 2 năm 2020 và bệnh Dại, với kết quả tiêm phòng đợt 1: Cúm H5N1 cho gà đạt 99% và Newcastle cho gà đạt 99% so với diện tiêm, đợt 2: Cúm H5N1 cho gà đạt 94% và Newcastle cho gà đạt 92% so với diện tiêm; Tiêm phòng chó đạt 74,7% so với diện tiêm.

- Đã thực hiện hoàn thành công tác tiêu độc khử trùng khu vực công cộng và các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ để phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn huyện với tổng số thuốc sử dụng là 6.362 lít, trong đó sử dụng cho đợt 1 là 1.493 lít, đợt 2

là 1.616 lít, đợt 3 là 1.623 lít và đợt 4 là 1.630 lít để thực hiện tháng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc các đợt trong năm 2020.

2.4. Tình hình tái đàn và tăng đàn lợn

Cùng với việc phòng, chống dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP), cần triển khai chăn nuôi tái đàn lợn sau dịch. Việc nuôi tái đàn lợn thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT, kết quả, toàn huyện có 08/14 xã đã tái đàn lợn, số lượng khoảng 25.882 con/125 hộ.

3. Thủy sản

Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra tình hình hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất độc, chất nổ và xung điện để khai thác thủy sản năm 2020.

4. Thủy lợi

- Trong năm, tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra không đáng kể, chủ yếu gây ngập úng cục bộ một số tuyến đường gây khó khăn trong việc đi lại.

- Tổ chức cấp phát các trang thiết bị PCTT-TKCN cho các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn để phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

- Tổng kết công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019 và triển khai nhiệm vụ năm 2020 giao nhiệm vụ cho các ngành, các địa phương thực hiện.

- Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện, phân công thành viên phụ trách địa bàn. Kiểm tra một số công trình thủy lợi trước mùa mưa bão năm 2020 do huyện quản lý, xây dựng phương án nâng cấp, tu sửa.

- Xây dựng phương án phòng chống, ứng phó với thiên tai tại địa bàn huyện gồm phương án ứng phó với bão, bão mạnh, siêu bão; phương án ứng phó thiên tai với các cấp độ rủi ro; phương án ứng phó với các tình huống xả lũ hồ Trị An.

- Triển khai thực hiện thi công công trình phòng chống thiên tai từ nguồn vốn quỹ phòng chống thiên tai năm 2019 tại xã Bàu Cạn và xã Long An, triển khai lập hồ sơ dự án công trình phòng chống thiên tai từ nguồn vốn quỹ phòng chống thiên tai năm 2020.

5. Lâm nghiệp

- Phòng cháy chữa cháy rừng: Tổ chức 01 Hội nghị Sơ kết công tác BVR và PCCCR năm 2019 - 2020 cấp huyện và 10 hội nghị tuyên truyền PCCCR cấp xã; kiện toàn 12 Ban chỉ đạo (gồm 01 Ban Chỉ đạo huyện, 11 Ban chỉ đạo của các xã và đơn vị chủ rừng); Phân công nhân sự trực phòng cháy chữa cháy rừng từ tháng 01 đến hết tháng 05 năm 2020 để kịp thời phát hiện và ngăn chặn cháy rừng xảy ra. Trong năm 2020, trên địa bàn huyện Long Thành có xảy ra một số điểm cháy nhỏ, chủ yếu là cháy các diện tích trảng cỏ hoặc là diện tích keo lá tràm sau khai thác. Tổ chức lực lượng, phương tiện kịp thời dập tắt các đám cháy, không để ảnh hưởng đến con người, các công trình và gây thiệt hại kinh tế cho người dân.

- Trồng cây phân tán: Năm 2020, có 14 đơn vị đăng ký trồng cây; huyện đã bố trí cho các cơ quan, đơn vị số lượng 6.300 cây xanh, hoa cảnh các loại trồng tạo cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp.

- Làm việc với Đoàn giám sát của Ban KT - NS Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình giao khoán bảo vệ rừng.

- Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

6. Chương trình nước sinh hoạt và VSMTNT

- Phối hợp với Trung tâm Nước sạch & VSMTNT tỉnh Đồng Nai cung cấp lắp đặt thiết bị lọc nước hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số năm 2019. Kết quả, lắp đặt xong cho 05 xã với tổng số 57 máy.

- Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch theo QC02 đạt 80% (174.729 người/ 218.411 người), trong đó tỷ lệ người dân sử dụng nguồn nước từ công trình cấp nước tập trung nông thôn, đầu nổi đô thị đạt khoảng 5,04%; sử dụng từ thiết bị lọc nước quy mô nhỏ lẻ hộ gia đình, giếng khoan, giếng đào đạt khoảng 74,96%.

7. Đào tạo nghề lao động nông thôn

Trong năm, huyện đã tổ chức được 3 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các xã Bình Sơn, Phước Bình và Tam An với số học viên tham gia 69 người với các ngành nghề: kỹ thuật trồng cây cảnh, kỹ thuật trồng rau sạch, đạt 138% so kế hoạch giao (kế hoạch năm 2020 là 50 học viên).

8. Ngành nghề, làng nghề nông thôn

- Ban hành và triển khai Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện Long Thành năm 2020.

- Trên địa bàn huyện Long Thành, có 343 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành nghề nông thôn (bao gồm: 174 cơ sở sản xuất kinh doanh rượu; 70 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; 6 cơ sở chế biến cà phê; 56 cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ; 08 cơ sở sản xuất, kinh doanh hoa kiểng; 10 cơ sở sấy, xay xát, sơ chế nông sản; 15 cơ sở sửa chữa, cung cấp các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; 02 cơ sở đúc tượng; 01 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; 01 cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn).

Các cơ sở hoạt động thuộc ngành nghề nông thôn rất đa dạng về quy mô và lĩnh vực: liên quan đến chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản (bánh tráng, bún tươi, bún khô, giò chả, chả thủy sản, đậu hủ, nem, nấu rượu, bánh mì, bánh bao, bánh ngọt,...); sản xuất đồ gỗ, mộc; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (đúc tượng); sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh (như hoa, cây kiểng) và các hoạt động tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, truyền nghề, tư vấn sản xuất (sản xuất nấm, trồng và chăm sóc cây kiểng – bonsai).

- Trên địa bàn huyện Long Thành không có làng nghề và nghề truyền thống.

9. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

- Đã triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm đến các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Kết quả đến nay đã vận động được 02 chủ thể tham gia Chương trình và được đánh giá, xếp hạng cấp tỉnh như sau:

+ Có 09 sản phẩm của Công ty Cổ phần chăn nuôi và chế biến sữa Đồng Nai đạt 04 sao cấp tỉnh.

+ Có 03 sản phẩm của Tịnh xá Ngọc Quang đạt 03 sao cấp tỉnh.

- Phối hợp cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn: về nghiệp vụ cho các tổ chức kinh tế tham gia Chương trình OCOP năm 2020 do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức; về sản xuất kinh doanh Chương trình mỗi xã một sản phẩm do Sở Công thương tổ chức; có 47 lượt người tham dự.

II. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

- Phối hợp Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thanh tra 09 cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng nông nghiệp.

- Phối hợp 03 cán bộ tham gia lớp tập huấn đào tạo người lấy mẫu rau, quả tươi, tập huấn VietGAP, hữu cơ.

2. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm

- Đã tiếp nhận 07 hồ sơ lĩnh vực nông nghiệp, số hồ sơ đã giải quyết 07 hồ sơ đạt 100%; đồng thời, tiếp nhận và xử lý 14 hồ sơ ngành công thương, đạt 100%.

- Xác nhận kiến thức cho 09 cơ sở với tổng số là 50 người.

3. Công tác thanh, kiểm tra an toàn thực phẩm

- Tiến hành thanh, kiểm tra đối với 17 cơ sở sản xuất thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống. Kết quả các cơ sở đều chấp hành tốt các quy định đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phối hợp Đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh kiểm tra 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong tháng hành động ATTP. Kết quả cả 2 cơ sở vẫn còn một số thủ tục hành chính chưa đầy đủ theo quy định, Đoàn công tác đã nhắc nhở cơ sở hoàn chỉnh hồ sơ, không xử lý vi phạm hành chính.

- Đoàn kiểm tra liên ngành Y tế đã tiến hành kiểm tra công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn của 18 trường mầm non công lập trên địa bàn huyện. Kết quả các trường thực hiện tốt các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến thực phẩm.

- Phối hợp Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP tỉnh tiến hành kiểm tra 03 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán 2021. Kết quả, 03 cơ sở đều thực hiện tốt các quy định về ATTP.

4. Công tác xây dựng các điểm kinh doanh thực phẩm an toàn tại chợ

Đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác xây dựng điểm kinh doanh thực phẩm an toàn tại chợ trên địa bàn huyện; thực hiện tuyên truyền, vận động được 21 hộ của chợ Cẩm Đường và chợ Long Thành tham gia.

III. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Trong năm, đã tuyển chọn được 01 dự án khả thi thực hiện trên địa bàn huyện và ban hành Quyết định phê duyệt danh mục dự án KH&CN “*Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất lúa theo hướng hữu cơ và liên kết tiêu thụ sản phẩm ở xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai*”. Tổ chức đăng tải thông tin trang website huyện để tuyển chọn tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện dự án.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai Chương trình Phát huy sáng kiến sáng tạo trong lao động và học tập năm 2020 đến các cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn với 109 giải pháp tham gia dự thi.

- Vận động 09 hộ dân tiếp tục thực hiện sản xuất sầu riêng đạt tiêu chuẩn VietGAP về an toàn thực phẩm với diện tích 14 ha.

- Rà soát, đăng ký xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm địa phương. Hỗ trợ 01 hộ kinh doanh du lịch sinh thái vườn trái cây tại Bình An đăng ký được nhãn hiệu là “Vườn trái cây Nguyễn Quốc” và tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh với số tiền hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu là 11.000.000 đồng.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tỉnh ủy.

IV. NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác tham mưu, triển khai thực hiện

- Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020.

- Tổ chức làm việc với 02 xã An Phước, Long Phước và Long An về những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai xây dựng khu dân cư kiểu mẫu. Trong đó, xây dựng dự toán kinh thực hiện khu dân cư kiểu mẫu tại ấp 6 xã An Phước trình Văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới tỉnh tổng hợp, cấp kinh phí.

- Tập trung các nhiệm vụ như kiểm tra, đánh giá công tác hoàn thiện hồ sơ minh chứng, diện mạo nông thôn và tổng hợp trình hồ sơ thẩm định xã Long An, Bình An đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các nội dung để đảm bảo công tác thẩm định sau 05 năm đạt chuẩn nông thôn mới đối với 04 xã: Cẩm Đường, Bình Sơn, Phước Thái và Bàu Cạn.

2. Kết quả thực hiện

Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến năm 2020 là 03 xã (An Phước, Long An, Long Phước) tăng 01 xã so với năm 2019. Ngoài ra, xã Bình An đã có ý kiến của các sở ngành đánh giá đạt, hiện nay chờ Hội đồng thẩm định tỉnh hợp thông qua; 09 xã còn lại gồm Bình Sơn, Long Đức, Tân Hiệp, Tam An, Cẩm Đường, Lộc An, Phước Bình, Phước Thái, Bàu Cạn từ 14 đến 18 tiêu chí.

V. CÔNG NGHIỆP – TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

1. Công nghiệp

Thực hiện rà soát số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở sản xuất kinh doanh bị tác động ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19.

2. Tình hình triển khai xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp

Trên địa bàn huyện Long Thành, hiện nay có 03 cụm công nghiệp được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch chi tiết: Cụm CN-TTCN Tam An (50,95ha), Cụm CN-TTCN Long Phước 1 (điều chỉnh giảm diện tích còn 75ha), Cụm CN Phước Bình (75ha). Trong đó:

* **Cụm công nghiệp Long Phước 1:** Hiện nay, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành đã phối hợp với UBND huyện xác định thửa đất và quy chủ để lên kế hoạch bồi thường, giải phóng mặt bằng được 73 trường hợp/75ha.

- Đến nay đã phê duyệt phương án bồi thường: 35 trường hợp/428.914,7m².

- Chưa phê duyệt phương án bồi thường: 38 trường hợp/307.767,9m², chờ UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể để áp giá bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

* **Cụm công nghiệp Tam An:** Công ty TNHH SX-TM Trường Lâm đang liên hệ các Sở, ngành của tỉnh để gia hạn tiến độ đầu tư và phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 CCN Tam An.

- Quy mô: Tổng diện tích thu hồi khoảng: **481.869,6m²**. Trong đó:

♦ Diện tích đất công (không tính giá trị bồi thường): **4.800m²**.

♦ Diện tích đất phải thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ: **477.069,6 m²/53hộ**.

- Tiến độ thực hiện: UBND huyện đã ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ **53 trường hợp/477.069,6m²**.

* **Cụm công nghiệp Phước Bình:** Hiện nay, Công ty TNHH MTV PAK Việt Nam đang lập thủ tục xin chủ trương đầu tư cụm công nghiệp Phước Bình.

- Quy mô dự án: Tổng diện tích đất: **579.699,6m²**; trong đó:

♦ Đất giao thông: **16.098,0m²**.

♦ Diện tích đất của các hộ dân: **563.601,6m²/ 57 trường hợp**.

- Tiến độ thực hiện: Đã kiểm kê 52 trường hợp/532.275,1m²;

- Chưa kiểm kê: 05 trường hợp/31.326,5m².

* **Riêng Cụm công nghiệp ô tô Đô Thành:** Hiện nay, Công ty Cổ phần ô tô Đô Thành đang tiến hành thỏa thuận với các hộ dân có đất trong vùng dự án được khoảng 20 ha và lập hồ sơ thành lập cụm công nghiệp,...

3. Khuyến công

- Triển khai thông báo mời các doanh nghiệp đăng ký tham gia xét chọn sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020.

- Phối hợp Sở Công Thương nghiệm thu cơ sở đề án khuyến công quốc gia năm 2020 tại Công ty TNHH Nam Long, ấp 3, xã Long An; Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp tỉnh Đồng Nai tổ chức Hội nghị tập huấn Tăng cường khả năng kinh doanh.

- Đăng ký đề án khuyến công địa phương năm 2020 về xây dựng mô hình thí điểm áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Rà soát công tác khuyến công trên địa bàn huyện Long Thành trong năm 2020 và đăng ký kế hoạch khuyến công giai 2021- 2025.

- Triển khai Đề án thành lập và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 – 2025 đến UBND các xã, thị trấn.

VI. THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

1. Tình hình thị trường

Trong năm 2020 gặp khó khăn do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19 nên tình hình dịch vụ giảm so với cùng kỳ do phải đóng cửa một số ngành ăn, uống, giải trí, du lịch,... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cho công nhân tạm nghỉ việc, hoặc nghỉ việc luân phiên và cho thôi việc nên công nhân giảm và mất thu nhập

nên ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn. Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái cũng được chỉ đạo tăng cường, không để xảy ra tình trạng tăng giá đột biến và tình trạng kinh doanh hàng gian, hàng giả.

2. Hoạt động xúc tiến thương mại

- Phối hợp với Sở Công thương tổ chức các phiên chợ Hàng Việt, phiên chợ Công nhân về các xã.

- Triển khai đến UBND các xã, thị trấn Chương trình xúc tiến thương mại năm 2021 do Trung tâm xúc tiến thương mại tổ chức. Kết quả đã tổ chức hội chợ từ ngày 04 - 06/12/2020 tại Trung tâm VHTTTT huyện Long Thành.

3. Công tác quản lý nhà nước

3.1. Về chợ nông thôn

Hiện nay, trên địa bàn huyện Long Thành có 11 chợ đang hoạt động, gồm: Chợ Long Thành, Chợ Phước Thái, Chợ ấp 2 xã Phước Bình, Chợ An Bình xã An Phước, Chợ ấp 2 xã Long An, Chợ Long Phú xã Phước Thái, Chợ Bình Sơn, Chợ Phước Hòa xã Long Phước, Chợ ấp 6 xã Tân Hiệp, Chợ An Viễn xã Bình An, Chợ Cẩm Đường xã Cẩm Đường.

Trong thời gian qua UBND huyện Long Thành đã kêu gọi các Doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ. Đến nay, đã có 07 chợ đã thực hiện chuyển đổi quản lý mô hình từ Nhà Nước sang Doanh nghiệp, Hợp tác xã quản lý như: Chợ Long Thành, Chợ An Bình xã An Phước, Chợ ấp 3 xã Bình Sơn, Chợ ấp 2 xã Phước Bình, Chợ Long Phú xã Phước Thái, Chợ ấp 2 xã Long An và Chợ ấp 2 xã Bàu Cạn.

- Số lượng chợ đến năm 2020 so với số lượng chợ giai đoạn 2011–2015 tăng 05 chợ mới xây dựng; trong đó, có 03 chợ đưa vào hoạt động gồm: chợ Long Phú mới xã Phước Thái (thay thế chợ Long Phú cũ - đã chuyển đổi công năng), chợ ấp 2 xã Long An và chợ Cẩm Đường xã Cẩm Đường; Riêng chợ ấp 2 Bàu Cạn ngưng hoạt động do vị trí không thuận lợi; Chợ Lộc An xã Lộc An đã xây dựng xong nhưng chưa đưa vào hoạt động do mật độ dân cư tập trung thấp.

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

- Sản xuất nông nghiệp các vụ trong năm được triển khai đúng cơ cấu mùa vụ và cơ cấu giống cây trồng. Toàn bộ diện tích lúa trên địa bàn huyện sản xuất các giống lúa ngắn ngày, chất lượng gạo tốt, thơm ngon và các giống lúa có năng suất cao, phẩm chất gạo thích hợp cho sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm bún, bột,..góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng được đảm bảo, trong năm không xảy ra tình trạng cháy rừng. Tổ truy quét bảo vệ rừng của huyện thường xuyên và đột xuất tiến hành kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ, các bến bãi, lò than, các quán ăn có dấu hiệu kinh doanh thị động vật hoang dã kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

- Tình hình sử dụng xung điện, chất độc, chất nổ để khai thác thủy sản có chiều hướng giảm dần, nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền và kiểm tra các cơ

sở quán mô tơ, sửa chữa điện tử, điện cơ mua bán phế liệu và truy quét các đối tượng sử dụng xung điện, chất độc, chất nổ để khai thác thủy sản.

- Các công trình thủy lợi được quản lý tốt, việc kiểm tra hệ thống các công trình thủy lợi được thực hiện thường xuyên trước trong và sau mùa mưa bão; công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được chú trọng.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động các hộ tiểu thương kinh doanh thực phẩm đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn vượt chỉ tiêu huyện giao, thực hiện 69/50 người.

- Công tác khoa học và công nghệ trong năm tập trung công tác vận động các hộ dân sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm như VietGAP, sản xuất theo hữu cơ và phát triển nhãn hiệu sản phẩm.

- Lĩnh vực xây dựng nông thôn mới đạt theo Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND huyện đề ra (NQ có từ 1 đến 02 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao)

- Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện ngày càng phát triển, nguồn cung hàng hóa đối với các mặt hàng thiết yếu, nhất là lương thực, thực phẩm vẫn đảm bảo trong tình hình ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, ít có biến động về giá. Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái được duy trì thường xuyên, không để xảy ra tình trạng tăng giá đột biến.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện có bước phát triển khá, các doanh nghiệp chủ động vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 góp phần đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện đạt và vượt mục tiêu đề ra.

2. Những hạn chế

- Việc triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp còn gặp khó khăn do chưa hình thành vùng sản xuất tập trung cây trồng chủ lực, sản xuất còn nhỏ lẻ, mức độ hợp tác liên kết sản xuất của người nông dân chưa cao. Nhà nước hỗ trợ từ 30% đến 50% một số hạng mục trong dự án còn lại là vốn đối ứng của dân, chi phí đầu tư lớn sẽ khó vận động người dân thực hiện.

- Tuy bệnh Dịch tả heo Châu Phi cơ bản đã được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ tái phát dịch nếu không thực hiện chặt chẽ quy trình chăn nuôi an toàn sinh học.

- Tình hình sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

- Về đầu tư xây dựng hạ tầng chợ nông thôn: hiện nay huyện đã kêu gọi được nhiều nhà đầu tư xây dựng chợ tuy nhiên còn vướng mắc về quy định đầu tư chợ ở nông thôn.

3. Những bài học kinh nghiệm

- Chỉ đạo kịp thời ứng phó với các tình huống khó khăn, bố trí sản xuất đúng lịch thời vụ, đầu tư thâm canh là những yếu tố giúp năng suất đạt cao.

- Dự báo được tình hình hạn ngay từ đầu vụ Đông Xuân nên đã tập trung chỉ đạo các giải pháp chống hạn, tiết kiệm nước, nhờ đó đã giảm đến mức thấp nhất diện tích phải bỏ không sản xuất do thiếu nước tưới.

- Tăng cường công tác dự tính dự báo sâu bệnh hại, thường xuyên thông báo tình hình sâu bệnh hại đến cơ sở để kịp thời chỉ đạo nhân dân phòng chống dịch bệnh cho cây trồng.

- Phát hiện sớm, xử lý triệt để ổ dịch theo quy định để khống chế không lây lan diện rộng.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thực hiện kiểm tra các hệ thống công trình thủy lợi trước mùa mưa bão nhằm chủ động ứng phó tình hình biến đổi khí hậu và thiên tai xảy ra.

- Triển khai nhu cầu đăng ký đào tạo nghề cho lao động nông thôn đầu năm, đa dạng hóa các ngành nghề nông thôn.

Phần 2

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

A. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

- Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp - xây dựng năm 2021 (theo giá cố định năm 2010) phấn đấu đạt 132.859,767 tỷ đồng tăng 23,65% tăng so với cùng kỳ.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ năm 2021 (theo giá hiện hành) phấn đấu đạt 23.875,77 tỷ đồng tăng 22,57% tăng so với cùng kỳ.

- Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản năm 2021 (theo giá cố định năm 2010) phấn đấu đạt 2.722,72 tỷ đồng tăng 3,76% so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở khu vực nông thôn đạt 81,5%.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh trên diện tích toàn huyện đạt 31,55%, tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,02%.

- Tập trung các nhiệm vụ duy trì các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và triển khai nông thôn mới kiểu mẫu đến các địa phương An Phước, Long An, Long Phước, Bình An; phấn đấu thực hiện đạt thêm từ 02 - 03 xã đạt chuẩn bộ tiêu nông thôn mới nâng cao gồm Long Đức, Bình Sơn, Tân Hiệp, các xã còn lại đạt từ 16-18/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao và duy trì các xã đạt chuẩn nông thôn mới sau 05 năm công nhận xã nông thôn mới.

- Tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu của tỉnh tại các xã Long An, An Phước, Long Phước, Bình An, Tân Hiệp, Bình Sơn.

- Tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn là 50 người (dự kiến tổ chức mở 02 lớp).

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Trồng trọt

a. Triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp

- Tổng diện tích cây hàng năm trên toàn huyện triển khai gieo trồng là 7.419ha, bao gồm 03 vụ sản xuất: vụ Đông Xuân 2.099 ha, vụ Hè Thu 4.028 ha và vụ Mùa 1.292 ha. Trong đó: cây lúa là 3.961 ha (tập trung nhiều ở các xã Tam An (1.350ha), Long Phước (690ha), Long An (690ha), Bình An (610ha), An Phước (380ha), Thị trấn (135ha),...); cây bắp là 494 ha; cây mỳ 2.380 ha; lang 60 ha; cây rau 336 ha; cây đậu các loại 61 ha; cây đậu phộng 31 ha; cây đậu nành 13 ha; cây nghệ vàng 35 ha; cây sen 48 ha.

- Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm chính: Cao su 539 ha; điều 3.180 ha; tiêu 277 ha; cà phê 035 ha;...

- Diện tích một số cây ăn quả chính: Sầu riêng 100ha; xoài 80ha; cây có múi 210 ha; chôm chôm 350 ha; măng cụt 131 ha; dâu xiêm (dâu An Phước) 50 ha;...

b. Tập huấn, xây dựng mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật

Triển khai thực hiện các lớp tập huấn và xây dựng mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các loại cây trồng chính như: lúa, rau màu, mỳ, bắp, sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, điều,...

c. Thăm đồng hướng dẫn các hộ dân sản xuất các vụ trong năm và phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng

Để kịp thời phát hiện và triển khai thực hiện các biện pháp kỹ thuật chăm sóc và phòng chống sâu bệnh hại trên cây trồng trong dịp nghỉ Tết Nguyên đán, thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình sinh trưởng, phát triển, cũng như sâu bệnh trên các loại cây trồng chính như: Lúa, rau màu, bắp, mỳ, điều, cây ăn quả,...

d. Học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả:

Nhằm mục đích nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện Long Thành, làm cơ sở để từng bước xây dựng phát triển thêm các chuỗi liên kết hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn huyện.

**** Về giải pháp thực hiện***

- Tổ chức hướng dẫn bà con nông dân sản xuất các vụ trong năm đúng tiến độ. Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nắm bắt chặt chẽ tình hình sinh trưởng và phát triển của các loại cây cũng như diễn biến sâu, bệnh hại để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tăng cường công tác khai thông kênh dẫn nước, kiểm tra, tu sửa, nạo vét các công trình thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất.

- Theo dõi tiến độ thời vụ để tuyên truyền hướng dẫn nhân dân tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chăm sóc bảo vệ tốt diện tích cây trồng đảm bảo các chỉ tiêu giao.

2. Chăn nuôi – Thú y

- Tăng cường công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, hướng dẫn các hộ chăn nuôi các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

- Xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản năm 2021 và kế hoạch các đợt tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; Kế hoạch tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng; Theo dõi tình hình diễn biến dịch bệnh gia súc, gia cầm; Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra chấp hành pháp luật của các cơ sở giết mổ; hộ kinh doanh, buôn bán động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn huyện Long Thành trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2021.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý, chấn chỉnh các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trái quy định nhà nước; kiểm tra tình hình sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- Thực hiện công tác quản lý chăn nuôi thông qua việc cấp phát sổ theo dõi chăn nuôi nhỏ lẻ.

3. Thủy sản

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra tình hình hoạt động nuôi trồng thủy sản; kế hoạch thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, chất độc, xung điện để khai thác thủy sản trên địa bàn huyện.

4. Thủy lợi, PCTT-TKCN

- Theo dõi tình hình cung cấp nước tưới của các công trình thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp, không để tình trạng thiếu nước xảy ra.

- Thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp, nạo vét 02 công trình đập Sa Cá, đập dâng Bàu Tre và xây dựng kênh mương tổ 6 thuộc xã Bình An để phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai trong năm 2021.

- Thực hiện thi công 02 công trình gồm nạo vét, tu sửa tuyến mương tiêu khu vực Cầu Xéo, thị trấn Long Thành và nạo vét kênh tiêu Bàu Cá xã Long Đức theo Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục chi hỗ trợ tu sửa khẩn cấp công trình từ Quỹ phòng, chống thiên tai trong kế hoạch 2020 cho các huyện, thành phố. Đồng thời, khảo sát, đề xuất tu sửa các công trình thủy lợi nhằm phòng chống ngập lụt sử dụng từ nguồn kinh phí của Quỹ phòng chống thiên tai năm 2021.

- Phân công tổ chức trực ban theo dõi tình hình thời tiết, chỉ đạo các ngành triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai trong các đợt thời tiết diễn biến nguy hiểm như bão, áp thấp nhiệt đới, triều cường,...

5. Lâm nghiệp

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả phương án phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2020 – 2021 và công tác quản lý bảo vệ rừng năm 2021.

- Tổ chức phát động trồng cây, trồng rừng nhân kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5 và triển khai kế hoạch trồng cây phân tán năm 2021.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến lâm sản, các lò than, bến bãi nơi tập kết gỗ, nhà hàng, quán ăn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

- Rà soát, thống kê, theo dõi diện tích rừng và đất lâm nghiệp năm 2021.

- Tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và người dân trong công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

6. Chương trình nước sinh hoạt và VSMTNT

- Triển khai lắp đặt thiết bị lọc nước nhỏ lẻ hộ gia đình cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Long Thành năm 2020.

- Tổ chức tuyên truyền vận động các hộ dân đăng ký sử dụng nước máy góp phần tăng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện.

7. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Tiếp tục triển khai thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện năm 2021.

8. Ngành nghề nông thôn

- Tiếp tục triển khai kế hoạch hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề theo quy định tại Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức rà soát, thống kê các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc ngành nghề nông thôn; quan tâm đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất,... nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường; tranh thủ và ưu tiên các nguồn vốn cho công tác đào tạo nghề; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cho ngành nghề nông thôn,...

9. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình OCOP; triển khai chu trình OCOP thường niên; phát triển nâng cao sản phẩm, chuỗi sản phẩm chủ lực của huyện; vận động, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng hồ sơ sản phẩm tham gia chương trình OCOP.

II. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp sản xuất, kinh doanh những sản phẩm là hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng và các sản phẩm không được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định.

2. An toàn thực phẩm

- Tổ chức tập huấn chuyên môn cho cán bộ cấp huyện, xã về công tác quản lý an toàn thực phẩm;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh huyện, xã và băng rôn, khẩu hiệu,... về thực hiện biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tiêm phòng các bệnh cho gia súc, gia cầm; vệ sinh, tiêu độc sát trùng khu vực chăn nuôi, giết mổ, kinh doanh... nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm sản phẩm thịt heo, bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2021.

- Tổ chức tập huấn xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm; kiểm tra thẩm định điều kiện sản xuất để xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở theo quy định.

III. KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

- Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện dự án ứng dụng KH&CN trên địa bàn. Tổ chức thông báo về việc đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN thực hiện trên địa bàn huyện năm 2021.

- Phối hợp với Sở KH&CN tổ chức lớp đào tạo kỹ thuật viên về sản xuất nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên địa bàn huyện Long Thành; duy trì hoạt động cung cấp thông tin KH&CN thông qua trang thông tin điện tử của địa phương.

- Tiếp tục phát động tham gia các Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp, Chương trình Phát huy sáng kiến sáng tạo trong lao động và học tập và các Phong trào Hội thi do tỉnh tổ chức.

- Phối hợp các đơn vị xây dựng nhãn hiệu nhãn hiệu trên địa bàn huyện Long Thành. Hỗ trợ cho các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu thực hiện tra cứu và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm địa phương.

- Tổ chức hội nghị hướng dẫn về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, nhãn hiệu hàng hóa cho các cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh.

IV. NÔNG THÔN MỚI

1. Chỉ tiêu thực hiện

- Hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao: có ít nhất 01 - 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Long Đức, Bình Sơn, Tân Hiệp).

- Đạt chỉ tiêu bình quân số tiêu chí nông thôn mới nâng cao đạt được trên một xã theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai: 16 tiêu chí.

2. Nhiệm vụ

- Quản lý và triển khai đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng nhà ở và quản lý các hoạt động xây dựng tại các khu vực dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng đô thị. Xây dựng kế hoạch triển khai sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng đến tận địa bàn dân cư.

- Giao thông: Thường xuyên thực hiện công tác duy tu, sửa chữa; đồng thời tăng cường trồng cây xanh, vệ sinh môi trường tạo vẻ mỹ quan xanh, sạch, đẹp.

- Thủy lợi: Tiếp tục tu bổ, hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, công trình thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn đảm bảo cung - tiêu thoát nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Điện: Duy trì, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; Vận động lắp đặt hệ thống chiếu sáng tại các trục

đường giao thông nông thôn đã được bê tông hóa nhằm tạo cảnh quan, đảm bảo an ninh trật tự địa bàn nông thôn.

- Trường học: Thực hiện kiểm tra, rà soát củng cố cơ sở vật chất tại các trường đảm bảo phục vụ tốt cho năm học 2020 - 2021. Tập trung xây dựng từ 03-05 trường đạt chuẩn quốc gia; đầu tư xây dựng mới các trường theo nhu cầu học sinh của từng xã thiết kế đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Tiếp tục triển khai quy hoạch mạng lưới chợ trên địa huyện. Rà soát đánh giá, xây dựng cửa hàng tiện ích trên địa bàn huyện.

- Thông tin và Truyền thông: Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân mở điểm dịch vụ internet và người dân sử dụng có hiệu quả các dịch vụ bưu chính – viễn thông.

- Nhà ở dân cư: Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện giúp người dân, không để phát sinh nhà tạm, nhà dột nát; vận động nhân dân xây mới, chỉnh trang, nâng cấp nhà cửa khang trang, an toàn.

- Tiếp tục chuyên dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, sản xuất nông nghiệp đô thị; đẩy mạnh các loại cây trồng vật nuôi chủ lực của từng khu vực, từng xã; xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Chuyên giao nhân rộng cho nông dân các mô hình hiệu quả, giúp nông dân phát triển sản xuất theo nhu cầu thị trường. Tăng cường công tác khuyến nông, thông tin thị trường, thông qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan đầu bờ, bồi dưỡng kiến thức qua tổ hợp tác, hợp tác xã, câu lạc bộ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện. Triển khai các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua ngân hàng chính sách xã hội; tổ chức đào tạo nghề và giải quyết việc làm; chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công. Tiếp tục triển khai các lớp đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp và phi nông nghiệp trên địa bàn.

- Hình thức tổ chức sản xuất: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, hợp tác xã; Thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể trong lĩnh vực thuế, đất đai, vốn tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX; Phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển từ kinh tế hộ lên doanh nghiệp nông nghiệp. Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất nông nghiệp từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng liên kết.

- Giáo dục: Tạo điều kiện thuận lợi cho 100% con em các hộ dân được đến trường học tập, hạn chế tối đa tình trạng bỏ học giữa chừng do khó khăn về kinh tế.

- Y tế: Nâng cao chất lượng khám và điều trị bệnh; tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh; đẩy mạnh kiểm tra sử dụng an toàn hợp lý về thuốc trong các cơ sở điều trị. Tuyên truyền, vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế, nâng tỷ lệ người đóng bảo hiểm y tế lên trên 91%.

- Cơ sở vật chất văn hóa và các hoạt động văn hóa: Tiếp tục tuyên truyền vận động xây dựng đạt 100% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; đẩy

manh hoạt động các lĩnh vực văn hóa, thể thao phục vụ lợi ích và nhu cầu của nhân dân địa phương.

- Môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm: Tăng cường công tác tuyên truyền về công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường phải trở thành cuộc vận động sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, nhằm giảm thiểu các nguy cơ rủi ro cho sinh hoạt, sản xuất, sức khỏe cộng đồng do ô nhiễm môi trường ngày một tăng.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và cộng đồng; nhất là, việc lấy ý kiến nhân dân trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá những nội dung liên quan trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thường xuyên cập nhật thông tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao nhận thức, hưởng ứng thực hiện chương trình của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

V. CÔNG NGHIỆP – TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP

1. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp, xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả và soát cạnh tranh phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, có nhiều sản phẩm xuất khẩu, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghệ cao.

- Phối hợp thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản xuất kinh doanh, vượt qua thách thức trong quá trình hội nhập.

- Tiếp tục đôn đốc và hỗ trợ các Chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện sớm đưa vào hoạt động.

- Tiếp tục triển khai công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; Tổ chức tuyên truyền trực tiếp các nội dung hỗ trợ khuyến công và vận động các cơ sở, doanh nghiệp nghiên cứu vận dụng.

2. Giải pháp

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư tại các cụm công nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp, nhất là hạ tầng các cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và tận dụng thành quả của cách mạng công nghiệp 4.0 để nâng cao năng suất và lợi thế cạnh tranh.

VI. THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ

1. Nhiệm vụ

- Mở rộng và phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn, chuyển đổi mô hình quản lý các chợ trên địa bàn thông qua hình thức đấu thầu các chợ hạng 2, 3 để lựa chọn các doanh nghiệp, hợp tác xã để quản lý, khai thác kinh doanh, kiên quyết giải tỏa các tụ điểm buôn bán tự phát để đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông.

- Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, trung tâm thương mại; quy hoạch hệ thống mạng lưới xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn huyện đến năm 2021. Cùng cố hệ thống mạng lưới bán lẻ, hướng dẫn các doanh nghiệp, thành phần kinh tế chuẩn bị nguồn hàng dự trữ các mặt hàng thiết yếu ổn định thị trường trong những tháng cuối năm để đáp ứng đủ nhu cầu phục vụ cho người dân.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát giá cả, đảm bảo cân đối cung cầu và bình ổn giá những hàng hóa thiết yếu nhất là đối với nhân dân vùng sâu, vùng xa. Xây dựng Kế hoạch thực hiện thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình chợ văn hóa, văn minh tại các chợ trên địa bàn huyện.

- Tổ chức cho cán bộ thương mại – dịch vụ, lãnh đạo UBND các xã, thị trấn, Ban quản lý các chợ, các doanh nghiệp và cơ sở tham gia các khóa tập huấn quản lý nhà nước về lĩnh vực công thương (công nghiệp, thương mại – dịch vụ).

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất tham gia triển lãm, hội chợ thương mại, các chương trình xúc tiến thương mại do Sở Công thương tổ chức.

- Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu và giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai của các hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

2. Giải pháp

Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm dịch vụ. Đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối hàng hóa, thu hút đầu tư chợ nông thôn theo quy hoạch được phê duyệt; phát triển hệ thống cửa hàng tiện ích, mạng lưới bán lẻ, khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử kết hợp với các loại hình phân phối hiện hữu, tạo sự tiện ích trong tiêu dùng, mua sắm của người dân. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân nông thôn tiếp cận được các hàng hóa có chất lượng. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá, gây rối loạn thị trường, phát triển các hoạt động thương mại điện tử. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ, khoa học và công nghệ năm 2021 được phân bổ về cho các đơn vị tại Quyết định số 8919/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện; đề nghị đơn vị thực hiện và thanh, quyết toán theo khối lượng thực tế đảm bảo đúng quy định (*kèm Bảng dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ năm 2021*).

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế

- Chủ trì phối hợp các ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện xây dựng và triển khai đạt hiệu quả kế hoạch thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2021 trên các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Phòng Kinh tế.

- Lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện các hạng mục trong kế hoạch gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định, trình UBND huyện duyệt cho chủ trương sử dụng.

- Tham mưu UBND huyện chỉ đạo và trực tiếp kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện những nhiệm vụ liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp, sâu bệnh hại trên cây trồng và khuyến cáo nông dân thực hiện các biện pháp phòng chống hiệu quả; thực hiện báo cáo định kỳ tuần, tháng, quý, vụ, năm về UBND huyện.

- Thực hiện công tác quản lý nuôi trồng và khai thác thủy sản.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch cho UBND huyện.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Thẩm định, phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước, trình UBND huyện phê duyệt cho chủ trương sử dụng.

- Thực hiện kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị lập thủ tục thanh quyết toán theo quy định.

3. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp

- Phối hợp phòng Kinh tế, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức các lớp tập huấn và xây dựng các mô hình chuyên giao khoa học kỹ thuật, các mô hình chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại trên các loại cây trồng, quy trình canh tác tiên tiến, nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp của các hộ nông dân.

- Theo dõi tình hình sản xuất nông nghiệp, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng và khuyến cáo nông dân thực hiện các biện pháp phòng chống hiệu quả; thực hiện báo cáo định kỳ tuần, tháng, quý, vụ, năm về UBND huyện (*thông qua Phòng Kinh tế*) theo quy định.

- Quản lý công trình thủy lợi, thực hiện cung cấp nước đầy đủ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, không để tình trạng thiếu nước xảy ra.

- Phối hợp Phòng Kinh tế tham mưu UBND huyện xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ; Kế hoạch kiểm tra tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác có liên thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

4. Trạm Chăn nuôi – Thú y Long Thành

- Phối hợp phòng Kinh tế, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác quản lý chăn nuôi, tiêm phòng vắc xin, phun xịt sát trùng, kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm; Phối hợp với phòng Kinh tế lập hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán theo quy định.

- Phối hợp phòng Kinh tế, các ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn thực hiện kế hoạch di dời các trang trại chăn nuôi, cơ sở giết mổ vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung.

5. Hạt Kiểm lâm liên huyện Long Thành – Cẩm Mỹ

- Phối hợp Phòng Kinh tế, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả, tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức lễ phát động tết trồng cây; đồng thời thực hiện kiểm tra công tác trồng cây phân tán

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm soát hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh lâm sản; quản lý việc nuôi nhốt và tình hình săn bắt động vật hoang dã; thực hiện công tác thống kê, theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng hằng năm.

6. Đề nghị Hội Nông dân huyện và các đơn vị liên quan

- Phối hợp phòng Kinh tế, các đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả.

- Xem xét chỉ đạo Hội Nông dân các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nông dân triển khai thực hiện sản xuất các vụ trong năm đạt chỉ tiêu kế hoạch và đúng cơ cấu mùa vụ.

7. UBND các xã, thị trấn

- Phối hợp Phòng Kinh tế, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả

- Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch được giao, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động triển khai thực hiện, cần có những biện pháp cụ thể, thiết thực và có hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ, khoa học và công nghệ trên địa bàn quản lý.

- Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các đơn vị chuyên môn tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ, chăm sóc diện tích cây trồng. Duy trì công tác thông tin báo cáo qua các buổi giao ban để nắm bắt được tiến độ sản xuất, tình hình dịch bệnh nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ, khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện Long Thành. Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn căn cứ những nội dung nhiệm vụ đã được phân công chủ động và phối hợp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND huyện chỉ đạo, xử lý./.

Nơi nhận:

- Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế (b/c);
- Chủ tịch, PCT. UBND huyện;
- Chánh, Phó VP. UBND huyện;
- Các phòng: KT, TCKH, TNMT, QLĐT, LĐTĐ & XH, VH-TT, YT;
- Hội Nông dân huyện;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- Đội Quản lý thị trường số 4;
- Trạm Chăn nuôi – Thú y LT;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện;
- Trung tâm VH-TT-TT huyện;
- Trung tâm Y tế huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT-TH (PKT).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Tiếp

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ

Thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn,
công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, khoa học - công nghệ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 34 /KH-UBND ngày 02/2021 của UBND huyện Long Thành)

| Nội dung | Diễn giải | Số tiền (đồng) |
|--|--|----------------------|
| I. TRỒNG TRỌT | | 1.055.980.000 |
| 1. Trồng trọt và BVTV | | 227.480.000 |
| 1.1/ Hướng dẫn sản xuất, kiểm tra sâu bệnh hại cây trồng: | | 12.320.000 |
| - Thuế xe | 880.000đ x 14 chuyên/14 xã, thị trấn | 12.320.000 |
| 1.2/ Tổ chức lễ hội trái cây | | 200.000.000 |
| 1.3/ Khuyến nông, nhiệm vụ khác... | | 15.160.000 |
| 2. Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản | | 115.540.000 |
| * Hỗ trợ giống, vật tư (50%) | 5.000.000đ/ha x 20 ha | 100.000.000 |
| * Công nghệ thuật hướng dẫn, theo dõi mô hình | 4 người x 60.000đ/người/lần x 10 lần x 02 mô hình | 4.800.000 |
| * Hội thảo đánh giá rút kinh nghiệm: | | 8.980.000 |
| - Bảo cáo viên | 300.000đ/người/hội nghị/ngày x 01 hội nghị/ngày | 300.000 |
| - Thuế hội trường, băng ron, trang trí | 1.500.000đ/mô hình x 01 hội nghị/ngày | 1.500.000 |
| - Nước uống | 40.000đ/người/hội nghị x 50 người x 01 hội nghị/ngày | 2.000.000 |
| - Phô tô tài liệu | 3.600đ/bộ x 50 người x 01 hội nghị/ngày | 180.000 |
| - Hỗ trợ tiền ăn trưa cho nông dân | 100.000đ/người x 50 người x 01 hội nghị/ngày | 5.000.000 |

| | | |
|---|---|--------------------|
| * Thuê xe đi kiểm tra mô hình | 01 chuyên/mô hình x 2 mô hình x 880.000đ/chuyên | 1.760.000 |
| 3. Học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả tại các tỉnh, thành, huyện | | 52.000.000 |
| - Phụ cấp lưu trú | 40 người x 200.000 đ/người x 3 ngày | 24.000.000 |
| - Thuê phòng nghỉ | 20 phòng x 450.000 đ/phòng/ngày đêm x 02 ngày đêm | 18.000.000 |
| - Thuê phương tiện chờ đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm | | 10.000.000 |
| 4. Trồng cây phân tán kết hợp xây dựng nông thôn mới | | 599.400.000 |
| - Chi phí tổ chức lễ phát động tết trồng cây | | 70.000.000 |
| - Mua cây giống | 35.000đ/cây x dự kiến 15.000 cây | 525.000.000 |
| - Thuê xe kiểm tra cây trồng | 880.000đ/chuyên x 5 chuyên | 4.400.000 |
| 5. Kinh tế hợp tác lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT | | 12.320.000 |
| - Thuê xe | 880.000đ x 14 chuyên/14 xã, thị trấn | 12.320.000 |
| 6. Chương trình OCOP | | 25.400.000 |
| - Phô tô tài liệu | 120.000đ/bộ x 40 bộ | 4.800.000 |
| - Mua sản phẩm đánh giá | 50.000đ/sp x 300sp | 15.000.000 |
| - Nước uống | 20.000đ/người x 30 người x 02 đợt | 1.200.000 |
| - Thuê xe | 880.000đ/chuyên x 5 chuyên | 4.400.000 |
| 7. Ngành nghề nông thôn | | 16.640.000 |
| - Thuê xe | 880.000đ x 03 chuyên/03 xã | 2.640.000 |
| - Điều tra, thống kê cơ sở ngành nghề nông thôn | | 14.000.000 |
| 8. Thẩm định, xếp loại các cơ sở sx kinh doanh thực phẩm ngành nông nghiệp theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT | | 7.200.000 |
| - Thuê xe đi kiểm tra | 6 chuyên x 1.200.000đ/chuyên/ngày | 7.200.000 |
| II. CHĂN NUÔI | | 78.250.000 |
| I. Kiểm tra công tác tiêm phòng | | 18.400.000 |
| - Thuê xe đi kiểm tra | 5 ngày/ đợt x 2 đợt x 1.760.000đ/ 2 chuyên/ ngày | 17.600.000 |
| - Photo tài liệu | 200 bộ x 4.000đ/bộ | 800.000 |
| 2. Kiểm tra công tác chăn nuôi, phòng chống dịch | | 17.550.000 |

| | | |
|---|---|--------------------|
| - Thuê xe đi kiểm tra | 7 chuyến x 1.200.000 đ/chuyến/ngày x 2 đợt | 16.800.000 |
| - Photo tài liệu | | 750.000 |
| 3. In sổ theo dõi chăn nuôi: | | 27.000.000 |
| - In sổ | 3000 cuốn x 9.000đ/cuốn | 27.000.000 |
| 4. Kiểm tra trang trại, cơ sở chăn nuôi | | 15.300.000 |
| - Thuê xe đi kiểm tra | 10 chuyến x 1.200.000đ/chuyến/ngày | 12.000.000 |
| - Photo tài liệu | 660 bộ x 5.000đ/bộ | 3.300.000 |
| III. THỦY LỢI | | 628.560.000 |
| - Kiểm tra công trình thủy lợi trước và sau mùa mưa bão | 7 chuyến x 880.000đ/chuyến (2 đợt) | 6.160.000 |
| - Dự các lớp tập huấn về PCTT-TKCN do Trung ương tổ chức tại các tỉnh | 2 đợt/năm X 9.000.000 đ/đợt | 18.000.000 |
| - Nạo vét, khơi thông mương thoát lũ áp 3 xã Phước Thái | chiều dài 6,53 km | 600.000.000 |
| - Kiểm tra các xã về công tác phòng chống thiên tai | 5 chuyến x 880.000đ/chuyến | 4.400.000 |
| IV. LÂM NGHIỆP | | 300.000.000 |
| - Bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng | Có xây dựng phương án riêng | 300.000.000 |
| V. THỦY SẢN | | 37.700.000 |
| 1. Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ | | 28.900.000 |
| 1.1. Sao chép băng, đĩa | 15 đơn vị x 100.000 đ/băng, đĩa | 1.500.000 |
| 1.2. Công tác kiểm tra | | 27.400.000 |
| - Xăng chạy Canô | 25 lít/ giờ x 03 giờ/ ngày x 6 ngày x 22.000 đ/ lít | 9.900.000 |
| - Dầu DO chạy tàu | 10 lít/ giờ x 05 giờ/ ngày x 6 ngày x 20.000 đ/ lít | 6.000.000 |
| - Nhớt 2T | 27 bình x 100.000 đ/ bình | 2.700.000 |
| - Thuê xe phục vụ kiểm tra | 5 ngày x 1.760.000đ/ 2 chuyến/ ngày | 8.800.000 |
| 2. Quản lý nuôi trồng thủy sản | | 8.800.000 |
| - Thuê xe phục vụ kiểm tra | 5 ngày x 1.760.000đ/ 2 chuyến/ ngày | 8.800.000 |
| VI. VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM | | 291.000.000 |
| 1. Xây dựng báo cáo | | 4.500.000 |
| - Báo cáo sơ kết, tổng kết, 3 năm, 5 năm | 4 lần x 750.000 đ/lần | 3.000.000 |
| - Báo cáo định kỳ 3 tháng | 4 quý x 150.000 đ/quý | 600.000 |

| | | |
|--|---|--------------------|
| - Báo cáo đột xuất | 6 lần x 150.000 đ/lần | 900.000 |
| 2. Thủ lao kiêm nhiệm Ban chỉ đạo | | 69.480.000 |
| - Trưởng, các phó BCD: 7 người | 12 tháng x 250.000 đ/tháng x 7 người | 21.000.000 |
| - Ủy viên thường trực BCD | 3 người x 12 tháng x 200.000đ/tháng | 7.200.000 |
| - Tổ chuyên viên (Cơ quan Thường trực): 10 người | 10 người x 12 tháng x 200.000đ/tháng | 24.000.000 |
| - Tổ chuyên viên: 12 người | 12 người x 12 tháng x 120.000đ/tháng | 17.280.000 |
| 3. Lương hợp đồng | | 51.671.412 |
| - Hợp đồng lao động | 01 người x 12 tháng x 3.486.600đ/tháng | 41.839.200 |
| - BHXH, YT, TN, KPCĐ (23,5%) | 01 người x 12 tháng x 819.351đ/tháng | 9.832.212 |
| 4. Công tác phí, học tập kinh nghiệm | | 70.800.000 |
| - Công tác phí | 03 người x 12 tháng x 300.000đ/tháng | 10.800.000 |
| - Tham gia các lớp tập huấn do tỉnh, trung ương tổ chức | 04 lần x 15.000.000đ/lần | 60.000.000 |
| 5. Văn phòng phẩm, photo tài liệu | | 54.548.588 |
| - Văn phòng phẩm | 12 tháng x 1.000.000đ/tháng | 12.000.000 |
| - in ấn tờ rời tuyên truyền bộ tiêu chí NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu | 10,000 tờ x 3.500 đ/tờ | 35.000.000 |
| - Photo tài liệu hội họp | | 7.548.588 |
| 6. Thuê xe đi công tác | 25 chuyến x 1600.000đ/chuyến | 40.000.000 |
| VII. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ | | 474.600.000 |
| 1. Dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật | | 440.000.000 |
| - Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất lúa theo hướng hữu cơ và liên kết tiêu thụ sản phẩm ở xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | | 220.000.000 |
| - Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất dâu da và măng cụt theo hướng hữu cơ tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai | | 220.000.000 |
| 2. Chương trình Phát huy sáng kiến, sáng tạo trong lao động và học tập (Chương trình 6) | | 13.200.000 |
| - In băng ron Phát động tham gia Chương trình 6 | 14 xã x 02 băng ron/xã x 400.000 đ/băng ron | 11.200.000 |

| | | | |
|---|--|--|--------------------|
| - Thuê xe đưa tác giả đạt giải nhận giải, nộp hồ sơ | | 02 chuyến x 1000.000 đồng/chuyến | 2.000.000 |
| 3. Tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở | | | 17.600.000 |
| Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ | | 12 thành viên | 9.600.000 |
| Chi nhận xét đánh giá | | 02 Phiếu x 11 phiếu x 300.000 đ/ phiếu | 6.600.000 |
| Chi công tác tiếp nhận, phân loại, đánh giá sơ bộ | | 02 hồ sơ | 200.000 |
| Chi băng rôn Hội đồng | | 1 cái x 800.000 đồng/cái | 800.000 |
| Chi nước uống thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự | | 20 người x 20.000 đồng/người | 400.000 |
| 4. Hội nghị triển khai hướng dẫn về nhãn hàng hóa | | | 3.800.000 |
| Chi thù lao báo cáo viên | | 500.000 đồng/ buổi x 1 người | 500.000 |
| Nước uống | | 50 người x 20.000 đồng/người | 1.000.000 |
| Băng ron Hội nghị | | 1 cái x 800.000 đồng/cái | 800.000 |
| Tài liệu | | 50 bộ x 30.000 đồng/bộ | 1.500.000 |
| VIII. ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO LĐNT | | | 150.000.000 |
| - Mở 03 lớp đào tạo nghề nông nghiệp (25 học viên/ lớp) | | 25 học viên x 2.000.000đ/học viên x 3 lớp | 150.000.000 |
| IX. NGOÀI KHOẢN | | | 201.620.000 |
| 1. An toàn thực phẩm | | | 24.000.000 |
| - Kiểm tra ATTP trước trong và sau tết Nguyên đán | | 15 chuyến x 1.200.000đ/chuyến | 18.000.000 |
| - Photo tài liệu, biên bản kiểm tra | | | 1.000.000 |
| - Mua bộ test nhanh | | | 5.000.000 |
| 2. Công nghiệp | | | 72.620.000 |
| 2.1 Tổ chức hội nghị gặp gỡ Doanh nghiệp | | | 40.620.000 |
| Phông, Băng ron Hội nghị | | 2.000.000 đ/cái x 2 cái; 600.000đ/tấm x 10 tấm | 10.000.000 |
| Bảng tên để bàn | | 24 bảng x 130.000 đ/bản | 3.120.000 |
| Photo tài liệu hội nghị | | 500 bộ x 10.000 đ/bộ | 5.000.000 |
| In bao thư | | 500 cái x 1.500đ/cái | 750.000 |
| In giấy mời | | 500 giấy mời x 1.500đ/giấy | 750.000 |
| Hội trường, âm thanh, giữ xe | | | 1.000.000 |

| | | |
|--|--|----------------------|
| Nước uống | 500 người x 40.000đ/người/ngày | 20.000.000 |
| 2.2 Tập huấn công nghiệp - Thương mại | | 16.000.000 |
| - Thuế xe đưa cán bộ đi tập huấn | 04 chuyến x 2.000.000đ/ngày x 2 đợt | 16.000.000 |
| 2.3 Điều tra các cơ sở, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn | | 10.000.000 |
| - Hỗ trợ cho cán bộ điều tra | 1000 phiếu x 10.000 đ/phiếu | 10.000.000 |
| 2.4 Tổ chức cho cá nhân, tổ chức đạt danh hiệu nghệ nhân thợ giỏi, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tham gia Hội đồng cấp tỉnh và khu vực | | 6.000.000 |
| - Thuế xe đưa đón | 01 chuyến x 3.000.000đ/chuyến x 02 đợt | 6.000.000 |
| 3.Thương mại- dịch vụ | | 105.000.000 |
| - KP phục vụ công tác phòng chống dịch Covid | | 50.000.000 |
| - KP hỗ trợ chương trình bình ổn giá | | 20.000.000 |
| - KP phục vụ chương trình người VN ưu tiên dùng hàng VN | | 20.000.000 |
| - Thuế xe đi tập huấn thương mại | | 15.000.000 |
| TỔNG CỘNG: | | 3.217.710.000 |